



NHẬN DIỆN PHÂN LOẠI NÔNG THÔN VIỆT NAM



XU HƯỚNG, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2020-2030

TS.KTS. PHẠM THỊ NHÂM

Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia

IDENTIFYING THE CLASSIFICATION OF VIETNAMESE RURAL AREAS: TRENDS, CHALLENGES AND DEVELOPMENT SOLUTIONS FOR THE PERIOD 2020-2030

The article analyzes and proposes the Classification of Vietnamese rural areas for the period 2020-2030, based on two main criteria: The level of socio-economic development and the function, role of development. Rural Vietnam implementing the National Target Program on New Rural Development in the 2020-2025 period has revealed 3 groups according to the level of socio-economic development (advanced, medium and disadvantaged rural areas) and 4 groups according to functions and roles (rural integration with urban areas, cultural preservation, agricultural production and ecological protection).

The article also analyzes development trends and proposes specific solutions for each type of rural area in the 2025-2030 period. The solutions include planning rural space in Vietnam taking into account the need to develop OCOP products, enhancing digital transformation and promoting public-private partnership.

Classifying rural areas according to their development functions and roles helps optimize resources, improve policy effectiveness and promote sustainable development of rural areas in Vietnam. Thereby contributing to the implementation of Resolution No. 19-NQ/TW, dated June 16, 2022 on agriculture, farmers, and rural areas to 2030, with a vision to 2045.

Keywords: New rural areas, New rural development in Vietnam, National New Rural Development Program.

Bài viết phân tích và đề xuất Phân loại nông thôn Việt Nam giai đoạn 2020-2030, dựa trên hai tiêu chí chính: Mức độ phát triển kinh tế - xã hội và chức năng, vai trò phát triển. Nông thôn Việt Nam thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn bước sang giai đoạn 2020-2025 đã lộ diện 3 nhóm theo mức độ phát triển kinh tế - xã hội (nông thôn tiên tiến, trung bình và khó khăn) và 4 nhóm theo chức năng, vai trò (nông thôn hội nhập đô thị; bảo tồn văn hóa; sản xuất nông nghiệp và bảo vệ sinh thái).

Bài viết cũng phân tích xu hướng phát triển và đề xuất giải pháp cụ thể cho từng loại hình nông thôn giai đoạn 2025-2030. Các giải pháp bao gồm quy hoạch không gian nông thôn Việt Nam tính đến nhu cầu phát triển sản phẩm OCOP, tăng cường chuyển đổi số và thúc đẩy hợp tác công - tư. Việc phân loại nông thôn theo chức năng và vai trò phát triển giúp tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả chính sách và thúc đẩy sự phát triển bền vững của nông thôn Việt Nam. Từ đó góp phần thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Từ khoá: Nông thôn mới, Phát triển nông thôn mới Việt Nam, Chương trình xây dựng nông thôn mới Quốc gia.

I. Bối cảnh chung

1.1. Bối cảnh thực trạng

Trong hơn một thập kỷ qua, Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới (CTMT QG XD NTM) đã mang lại nhiều kết quả tích cực, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn Việt Nam. Tính đến tháng 9/2024, cả nước có 6.300/8.162 xã (77,2%) đạt chuẩn NTM, 1.464 xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) nâng cao và 176 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. Ngoài ra, 22 tỉnh, thành phố có 100% số xã đạt chuẩn NTM, trong đó 5 tỉnh (Nam Định, Đồng Nai, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương) đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Bên cạnh những thành tựu, sự phát triển của nông thôn giữa các khu vực vẫn có sự khác biệt rõ rệt. Các xã ven đô hoặc gần các khu công nghiệp (như Bắc Ninh, Đồng Nai, Bình Dương) phát triển mạnh nhờ quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa. Ngược lại, các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa (Tây Bắc, Tây Nguyên) gặp nhiều khó khăn trong huy động nguồn lực và duy trì các tiêu chí NTM.

CTMTQG XD NTM giai đoạn 2020-2030 đặt ra yêu cầu không chỉ đạt chuẩn NTM mà còn phải đạt chuẩn NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu. Các tiêu chí của NTM kiểu mẫu khắt khe hơn, bao gồm yêu cầu về chất lượng cơ sở hạ tầng, tăng thu nhập, bảo vệ môi trường và thúc đẩy chuyển đổi số. Trong bối cảnh đó, việc phân loại nông thôn theo mức độ phát triển kinh tế - xã hội và theo chức năng, vai trò phát triển là cần thiết. Phân loại nông thôn giúp nhận diện rõ vai trò của từng loại hình nông thôn và tạo điều kiện cho việc phân bổ nguồn lực và xây dựng chính sách phù hợp.

1.2. Vấn đề đặt ra

Tham khảo kinh nghiệm quốc tế, từ các nước đạt nhiều thành tựu xây dựng NTM như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, chúng tôi nhận diện Phân loại nông thôn Việt Nam theo 2 hệ thống: (1) Theo mức độ phát triển kinh tế - xã hội (nông thôn tiên tiến, trung bình, khó khăn); (2) Theo chức năng và vai trò phát triển (hội nhập đô thị, bảo tồn văn hóa, sản xuất nông nghiệp, bảo vệ sinh thái).

Phân loại nông thôn Việt Nam theo 2 hệ thống nêu trên cho phép Phân tích rõ

Bảng 1: Phân loại nông thôn theo mức độ phát triển kinh tế - xã hội (được chia thành 3 nhóm chính)

Nhận diện	Nông thôn tiên tiến	Nông thôn trung bình	Nông thôn khó khăn
Mức độ phát triển	Là các xã có mức độ phát triển cao, hạ tầng hiện đại, thu nhập bình quân đầu người cao và tỷ lệ hộ nghèo thấp.	Là các xã đã đạt chuẩn NTM nhưng chưa đạt chuẩn NTM nâng cao; hạ tầng và thu nhập có sự cải thiện nhưng chưa đồng bộ.	Là các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, hạ tầng kém phát triển, sản xuất nông nghiệp tự cung tự cấp.
Phân bố	Chủ yếu nằm ở các tỉnh ven đô ở vùng ĐBSH và vùng ĐNB như Hà Nội, Bắc Ninh, Đồng Nai, Bình Dương hoặc các khu vực kinh tế trọng điểm ở các tỉnh.	Chủ yếu tập trung ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.	Chủ yếu tập trung ở vùng sâu, vùng xa, vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên và một số khu vực vùng bãi ngang ven biển.
	Số lượng các xã này chiếm khoảng 20-30% tổng số xã trên cả nước (*)	Số lượng chiếm 50-60% tổng số xã trên cả nước. (*)	Số lượng chiếm 15-20% tổng số xã trên cả nước. (*)
Dại diện	Ví dụ: Xã đạt NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Nam Định, phát triển các mô hình nông nghiệp công nghệ cao.	Xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn huyện miền núi Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa, nhưng các tiêu chí thu nhập và môi trường chưa đạt NTM nâng cao.	Xã chưa đạt chuẩn NTM trên địa bàn Huyện Bảo Lâm, huyện Nguyên Bình (Cao Bằng) - nằm trong danh sách xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135.

(*) Ước tính

ràng hơn về xu hướng phát triển của từng loại hình nông thôn trong giai đoạn 2020-2025; từ đó đề xuất các giải pháp phát triển phù hợp với từng loại hình, tập trung vào huy động nguồn lực, chuyển đổi số và thúc đẩy kinh tế bền vững cho giai đoạn 2026-2030.

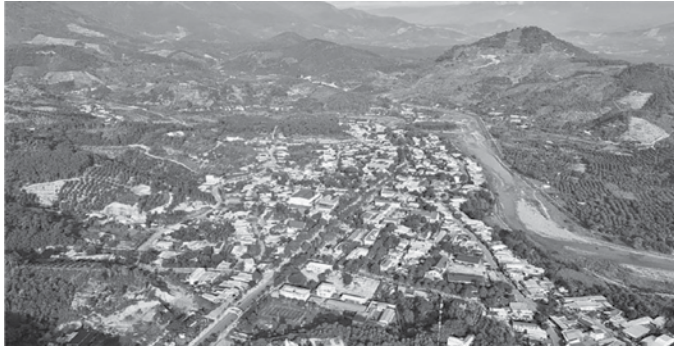


Hình 1: Xã đạt NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Nam Định (Nguồn: <https://daidoanket.vn/xay-dung-nong-thon-moi-o-nam-dinh-trai-ngot-tu-su-dong-long-chung-suc>)

2. Phân loại nông thôn Việt Nam giai đoạn 2020-2030

2.1. Phân loại theo mức độ phát triển kinh tế - xã hội

2.2. Phân loại theo chức năng và vai trò phát triển



Hình 2: Xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn huyện miền núi Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa
(Nguồn: <https://baoxaydung.com.vn/khanh-hoa-co-them-2-xa-dat-chuan-nong-thon-moi-1-xa-dat-chuan-nong-thon-moi-nang-cao>)



Hình 3: Xã chưa đạt chuẩn NTM trên địa bàn Huyện Bảo Lâm, huyện Nguyên Bình (Cao Bằng)
(Nguồn: <https://daidoanket.vn/cao-bang-huyen-mien-nui-nguyen-binh-van-chua-co-xa-dat-chuan-nong-thon-moi>)

Mối quan hệ giữa hai hệ thống phân loại nông thôn được thể hiện qua việc chức năng và vai trò phát triển có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm mức độ phát triển kinh tế - xã hội. Ví dụ, nông thôn bảo tồn văn hóa nếu khai thác tốt du lịch cộng đồng và sản phẩm OCOP, có thể nhanh chóng nâng cấp từ nông thôn trung bình lên nông thôn tiên tiến. Tương tự, nông thôn hội nhập đô thị thường có tốc độ đô thị hóa cao, thúc đẩy sự chuyển đổi từ nông thôn trung bình lên nông thôn tiên tiến. Ngược lại, nông thôn bảo vệ sinh thái dù có vai trò quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học nhưng thường gắn với nông thôn khó khăn do phụ thuộc vào sinh kế tự nhiên, cần có các giải pháp hỗ trợ để cải thiện mức độ phát triển kinh tế - xã hội.

3. Xu hướng và giải pháp phát triển từng loại hình nông thôn

3.1. Đối với phân loại nông thôn theo mức độ phát triển kinh tế - xã hội

(1) Nông thôn tiên tiến

■ Đặc điểm nhận diện: Nông thôn tiên tiến là các xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao và đang trong quá trình nâng cấp thành NTM kiểu mẫu. Các xã này có cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện, bao gồm hệ thống giao thông, y tế, trường học, trạm y tế đạt chuẩn, dịch vụ công cơ bản được số hóa.

■ Xu hướng phát triển và quy hoạch không gian: Nông thôn tiên tiến có xu hướng phát triển theo hướng hiện đại hóa và bền vững. Xu hướng quy hoạch không gian rõ ràng, phân chia thành khu vực sản xuất, khu dân cư kiểu mẫu và khu dịch vụ công cộng (trường học, trạm y tế) để tạo sự đồng bộ và tối ưu hóa quỹ đất. Thúc đẩy chuyển đổi số và xây dựng làng thông minh; tích

Phân loại nông thôn theo chức năng và vai trò phát triển chia thành 4 nhóm chính:

Nhận diện	Nông thôn hội nhập đô thị	Nông thôn bảo tồn văn hóa	Nông thôn sản xuất nông nghiệp	Nông thôn bảo vệ sinh thái
	Có chức năng phát triển thành khu đô thị vệ tinh, khu công nghiệp phụ trợ và trung tâm logistics.	Có chức năng bảo tồn văn hóa truyền thống, làng nghề thủ công, phát triển du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm.	Có chức năng phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, chuyên canh sản phẩm chủ lực (lúa, cà phê, chè, trái cây).	Có chức năng bảo tồn rừng tự nhiên, phát triển du lịch sinh thái và dịch vụ môi trường rừng.
	Thường phân bố ở khu vực ven đô, gần các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.	Thường phân bố nằm ở các khu vực có làng nghề, di sản văn hóa và các địa phương có tài nguyên du lịch.	Thường phân bố nằm ở các vùng sản xuất trọng điểm như Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Hồng.	Thường phân bố nằm ở trong các khu bảo tồn rừng, vùng rừng ngập mặn và các khu rừng phòng hộ ven biển.
	<i>Ví dụ:</i> Xã Kim Chung (huyện Đông Anh, Hà Nội) - phát triển khu đô thị vệ tinh, gần khu công nghiệp Bắc Thăng Long.	<i>Ví dụ:</i> Làng cổ Đường Lâm (Hà Nội) - làng cổ điển hình về bảo tồn di sản văn hóa, thu hút du khách trong và ngoài nước.	<i>Ví dụ:</i> Xã Vĩnh Bình (huyện Châu Thành, An Giang) - sản xuất lúa gạo, triển khai mô hình cánh đồng lớn xuất khẩu gạo.	<i>Ví dụ:</i> Xã Tràm Chim (huyện Tam Nông, Đồng Tháp) - nằm trong Vườn quốc gia Tràm Chim, phát triển du lịch sinh thái và bảo tồn rừng ngập nước.

hợp IoT, hệ thống GIS và dịch vụ công trực tuyến vào quản lý đất đai, sản xuất nông nghiệp và các dịch vụ công. Đẩy mạnh phát triển sản phẩm OCOP và chuỗi giá trị, như các sản phẩm OCOP chủ lực như vải thiều, gạo ST25, trà Thái Nguyên, kết hợp với mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao để xuất khẩu.

■ Thách thức và tồn tại: Từ NTM nâng cao lên NTM kiểu mẫu có nhiều tiêu chí khó đạt, gồm các tiêu chí như cảnh quan xanh - sạch - đẹp, nâng cao thu nhập và bảo vệ môi trường đòi hỏi chi phí đầu tư lớn và sự đồng thuận của người dân. Các xã khó triển khai chuyển đổi số toàn diện do thiếu hạ tầng Internet tốc độ cao, thiết bị IoT và kỹ năng công nghệ của người dân

còn thấp. Huy động nguồn lực lớn để xây dựng hạ tầng giao thông, trạm y tế, trường học và các công trình dịch vụ công nhưng nguồn vốn xã hội hóa gặp nhiều khó khăn.

■ Giải pháp định hướng: Trên cơ sở quy hoạch không gian nông thôn với 3 khu chính: khu sản xuất, khu dịch vụ và khu dân cư kiểu mẫu; thúc đẩy chuyển đổi số và xây dựng làng thông minh. Đầu tư hạ tầng số, phát triển mô hình làng thông minh, triển khai các dịch vụ công trực tuyến và phần mềm quản lý đất đai. Tăng cường huy động vốn: Khuyến khích hợp tác công - tư (PPP), tận dụng vốn ODA và Quỹ Phát triển Nông thôn Quốc tế (IFAD) để đầu tư hạ tầng giao thông, y tế và giáo dục.

■ Nhìn chung, nông thôn tiên tiến là loại hình nông thôn có xu hướng trở thành NTM kiểu mẫu với hạ tầng hiện đại, môi trường xanh - sạch - đẹp, làng thông minh và kinh tế OCOP phát triển. Tuy nhiên, các thách thức như chậm chuyển đổi số cần được giải quyết thông qua các giải pháp như huy động vốn xã hội hóa, phát triển làng thông minh và chuỗi giá trị sản phẩm OCOP.

(2) Nông thôn trung bình

Đặc điểm nhận diện: Nông thôn trung bình là các xã đã đạt NTM cơ bản nhưng chưa đạt chuẩn NTM nâng cao. Hạ tầng của các xã này đã được cải thiện nhưng còn hạn chế ở một số khía cạnh như giao thông nội thôn, trường học bán kiên cố và hệ thống xử lý nước thải.

Xu hướng phát triển và quy hoạch không gian: Các xã trung bình hướng tới mục tiêu đạt chuẩn NTM nâng cao bằng cách nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, trường học, hệ thống xử lý nước thải. Phát triển kinh tế hợp tác và sản phẩm OCOP. Phát triển du lịch cộng đồng và làng nghề ở một số xã có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng thông qua khai thác cảnh quan thiên nhiên, làng nghề và mô hình homestay.

■ Thách thức và tồn tại: Các xã gặp khó khăn trong việc đáp ứng tiêu chí về thu nhập, cảnh quan và môi trường. Do thiếu vốn đầu tư, việc nâng cấp đường làng, trạm y tế, trường học đòi hỏi nguồn vốn lớn nhưng ngân sách hạn hẹp và nguồn lực xã hội hóa khó huy động. Mặt khác nhiều hợp tác xã chưa đủ năng lực quản lý, khó tiếp cận thị trường và sản phẩm OCOP nên sinh kế chưa cải thiện nhiều.

■ Giải pháp định hướng: Quy hoạch không gian sản xuất - dịch vụ công cần được tăng cường quy hoạch khu sản xuất, khu dịch vụ và khu dân cư. Cải thiện môi trường sống nông thôn thông qua các giải pháp phát triển kinh tế hợp tác và OCOP bằng cách nâng cao năng lực quản lý hợp tác xã, hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu OCOP và thúc đẩy liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - thị trường. Huy động vốn xã hội hóa và hợp tác công - tư (PPP), đẩy mạnh mô hình PPP để nâng cấp hạ tầng giao thông, trường học và trạm y tế.

■ Tóm lại, nông thôn trung bình có xu hướng nâng cấp lên NTM nâng cao, nâng cấp khu dân cư nông thôn, kết hợp phát triển sản phẩm OCOP, hợp tác xã kiểu mới và du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, các thách thức gặp phải là thiếu vốn và KTX hoạt động kém cần được giải quyết thông qua các giải pháp như huy động vốn xã hội hóa, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP và du lịch cộng đồng.

(3) Nông thôn khó khăn

Đặc điểm nhận diện: Nông thôn khó khăn là các xã thuộc vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa, chưa đạt chuẩn NTM. Người dân chủ yếu sản xuất tự cung tự cấp, sinh kế bấp bênh, tỷ lệ nghèo cao, cơ sở hạ tầng yếu kém.

■ Xu hướng phát triển và quy hoạch không gian: Quy hoạch sản xuất kết hợp bảo vệ rừng, khai thác dược liệu, lâm sản ngoài gỗ. Phát triển sinh kế xanh và sinh kế bền vững, tận dụng cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) để khuyến khích người dân

bảo vệ rừng và phát triển sinh kế bền vững (nuôi ong mật, trồng dược liệu dưới tán rừng).

■ Thách thức và tồn tại: Tỷ lệ nghèo cao và sinh kế bấp bênh, người dân chưa có sinh kế ổn định, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Hạ tầng yếu kém, giao thông nội thôn, trường học bán kiên cố, trạm y tế yếu kém, gây khó khăn trong việc tiếp cận giáo dục và y tế. Khó tiếp cận tín dụng và vốn vay, người dân thiếu tài sản thế chấp, dẫn đến khó tiếp cận vốn vay ưu đãi.

■ Giải pháp định hướng: Cải thiện chất lượng hạ tầng, huy động từ nhiều nguồn lực xã hội, tổ chức từ thiện trong nhân dân. Phát triển sinh kế xanh và PFES, phát triển mô hình trồng dược liệu, nuôi ong mật và triển khai PFES... Tăng cường tiếp cận tài chính: Hỗ trợ tín dụng ưu đãi hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội.

■ Tóm lại, nông thôn khó khăn có xu hướng giảm nghèo bền vững, phát triển sinh kế xanh và bảo vệ hệ sinh thái. Tuy nhiên, các thách thức như tỷ lệ nghèo cao, cơ sở hạ tầng yếu kém và khó tiếp cận vốn cần được giải quyết thông qua các giải pháp như phát triển mô hình sinh kế xanh, đầu tư hạ tầng thiết yếu và hỗ trợ tiếp cận tài chính.

3.2. Đối với phân loại nông thôn theo chức năng, vai trò phát triển

(1) Nông thôn hội nhập đô thị

Nhận diện đặc điểm: Nằm ở vùng ven đô, có vị trí chiến lược gần các đô thị lớn. Kinh tế phụ thuộc vào dịch vụ, công nghiệp nhẹ và logistics thay vì nông nghiệp truyền thống. Đô thị hóa nhanh, cơ sở hạ tầng đang chuyển đổi để đáp ứng nhu cầu dân cư gia tăng, nhưng chưa hoàn thiện.

Xu hướng phát triển: Chuyển đổi đơn vị hành chính từ cấp xã/huyện lên phường/quận hay trở thành khu đô thị vệ tinh và trung tâm logistics, nhằm kết nối các đô thị lớn và hỗ trợ chuỗi cung ứng công nghiệp. Xu hướng hình thành khu dân cư hiện đại, như xây dựng khu dân cư kiểu mẫu với hạ tầng đồng bộ về giao thông, trường học, cơ sở y tế, điện nước, đảm bảo môi trường sống hiện đại. Chuyển dịch cơ cấu lao động từ lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ và logistics, tạo cơ hội việc làm với mức thu nhập cao hơn.

Thách thức: Xung đột quy hoạch và giải phóng mặt bằng, sự chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất đô thị dẫn đến xung đột quyền lợi giữa chính quyền và người dân, ảnh hưởng đến tiến độ phát triển. Áp lực lên hạ tầng, gia tăng dân số cơ học tại các khu ven đô gây ùn tắc giao thông, quá tải trường học và bệnh viện. Chuyển đổi nghề nghiệp khó khăn, lao động lớn tuổi thiếu kỹ năng để thích nghi với yêu cầu công nghiệp và logistics, dẫn đến rủi ro thất nghiệp.

Giải pháp phát triển: Thay đổi phương pháp lập quy hoạch - minh bạch và hỗ trợ tái định cư; thực hiện chính sách bồi thường hợp lý để tạo sự đồng thuận của người dân. Phát triển cụm công nghiệp và trung tâm logistics, thu hút doanh nghiệp để tạo việc làm và nâng cao kết nối chuỗi cung ứng. Đào tạo lao động, tăng cường tổ chức các khóa đào tạo nghề, kỹ năng số và vận hành thiết bị

hiện đại để giúp lao động địa phương thích ứng với cơ hội việc làm mới.

■ Tóm lại, nông thôn hội nhập đô thị có xu hướng trở thành một phần của đô thị lớn hay khu đô thị vệ tinh, trung tâm logistics và cụm công nghiệp phụ trợ. Các thách thức như xung đột đất đai, áp lực hạ tầng và chuyển đổi nghề nghiệp cần được giải quyết liên ngành thông qua các giải pháp như quy hoạch hợp lý, phát triển cụm công nghiệp và đào tạo nghề cho lao động địa phương.

(2) Nông thôn bảo tồn văn hóa

Nhận diện đặc điểm: Khu vực nông thôn với bảo tồn nhiều di sản vật thể (nhà cổ, đình, chùa) và phi vật thể (nghệ thuật, lễ hội, nghề truyền thống). Đời sống kinh tế gắn với một phần vào du lịch văn hóa và sản phẩm làng nghề. Thường là các làng cổ hoặc địa phương có lịch sử lâu đời, có sức hút văn hóa.

Xu hướng phát triển: Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, các xã này tập trung bảo vệ di sản văn hóa qua việc trùng tu kiến trúc cổ, bảo tồn lễ hội và duy trì nghề truyền thống như tranh Đông Hồ, gốm Bát Tràng. Phát triển du lịch cộng đồng, tiềm năng văn hóa được khai thác để phát triển du lịch trải nghiệm làng nghề, du lịch lễ hội, tạo nguồn thu nhập bền vững. Thương mại hóa sản phẩm văn hóa, tăng cường sản xuất và quảng bá sản phẩm làng nghề như tranh, gốm, lụa, đồng thời xây dựng thương hiệu OCOP để mở rộng thị trường.

Thách thức: Mất một giá trị văn hóa, yếu tố đô thị hóa và lối sống hiện đại làm giảm sức hấp dẫn của văn hóa truyền thống, nhiều nghề thủ công có nguy cơ biến mất. Xuống cấp di sản vật thể do thiếu kinh phí để trùng tu các công trình cổ như nhà cổ, đình, chùa. Hạn chế trong phát triển du lịch do du lịch cộng đồng chưa đạt tiêu chuẩn quốc tế, thiếu năng lực quảng bá và tiếp cận thị trường rộng lớn.

Giải pháp phát triển: Bảo tồn di sản văn hóa, huy động nguồn lực từ Nhà nước và doanh nghiệp để trùng tu di sản vật thể, đồng thời tổ chức các chương trình giáo dục để bảo vệ di sản phi vật thể. Phát triển du lịch văn hóa xây dựng các tuyến du lịch trải nghiệm gắn với làng nghề và nghệ thuật truyền thống, nâng cao năng lực quản lý du lịch cộng đồng. Thương mại hóa sản phẩm làng nghề, hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu, phát triển kênh bán hàng qua sàn thương mại điện tử và mở rộng thị trường quốc tế.

■ Tóm lại, nông thôn bảo tồn văn hóa có xu hướng giữ gìn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, phát triển du lịch cộng đồng và sản phẩm OCOP từ làng nghề. Các thách thức như nguy cơ mai một văn hóa, khó bảo tồn di sản vật thể và hạn chế thương mại hóa sản phẩm làng nghề cần được giải quyết thông qua các giải pháp như trùng tu di sản, phát triển du lịch văn hóa và thương mại hóa sản phẩm OCOP.

(3) Nông thôn sản xuất nông nghiệp

Nhận diện đặc điểm: Chủ yếu là khu vực nông thôn tập trung vào sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn với các sản phẩm chủ lực như lúa gạo, rau quả, thủy sản. Có vùng chuyên canh

lớn, hạ tầng nông nghiệp cơ bản như hệ thống thủy lợi và kho bảo quản. Kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu nông sản.

Xu hướng phát triển: Cấu trúc làng nông thôn gắn liền với vùng chuyên canh quy mô lớn, phát triển cánh đồng mẫu lớn để tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất và đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Xu hướng ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, tích hợp IoT, AI, blockchain để giám sát cây trồng, quản lý chuỗi giá trị và tối ưu hóa sản xuất. Nông nghiệp hữu cơ và tuần hoàn, chuyển đổi mô hình canh tác truyền thống sang nông nghiệp sạch, bền vững, giảm hóa chất và sử dụng phân bón hữu cơ.

Thách thức: Sinh kế và chất lượng sống làng nông thôn phụ thuộc vào các thị trường tiêu thụ quốc tế và gặp rào cản kỹ thuật. Đôi khi thiếu hạ tầng nông nghiệp, như hệ thống thủy lợi, kho lạnh và cơ sở chế biến chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất hiện đại. Tác động của BĐKH, như: Lũ lụt, hạn hán và dịch bệnh thường xuyên đe dọa sản lượng và chất lượng nông sản.

Giải pháp phát triển: Chuyển đổi cấu trúc làng nông thôn phù hợp với hình thành vùng chuyên canh quy mô lớn. Quy hoạch vùng sản xuất đồng bộ, kết hợp xây dựng các cánh đồng mẫu lớn với liên kết HTX - doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, khuyến khích các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, phát triển sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế. Hỗ trợ tài chính đầu tư vào hệ thống thủy lợi thông minh, kho lạnh và cơ sở chế biến, kết hợp với chương trình vay vốn ưu đãi từ ngân hàng chính sách.

■ Tóm lại, nông thôn sản xuất nông nghiệp có xu hướng phát triển vùng chuyên canh, ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ. Tuy nhiên, các thách thức như phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu, thiếu hạ tầng và tác động của biến đổi khí hậu cần được giải quyết thông qua các giải pháp như quy hoạch vùng chuyên canh, phát triển chuỗi giá trị và nâng cấp hạ tầng thủy lợi, kho lạnh.

(4) Nông thôn bảo vệ sinh thái

Nhận diện đặc điểm: Phân bố tại các khu vực có rừng tự nhiên, vườn quốc gia hoặc vùng sinh thái quan trọng. Kinh tế phụ thuộc vào sinh kế rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) và du lịch sinh thái. Chịu áp lực lớn từ nạn phá rừng, khai thác trái phép và biến đổi khí hậu.

Xu hướng phát triển: Làng nông thôn gắn với phát triển sinh kế xanh, như mô hình trồng dược liệu, nuôi ong mật và gia súc dưới tán rừng trở thành xu hướng chính, vừa bảo vệ rừng vừa tạo thu nhập ổn định. Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng ngày càng giúp nâng cao ý thức bảo tồn và tạo nguồn thu nhập bổ sung cho người dân. Phát triển du lịch sinh thái, được các xã triển khai có hiệu quả như homestay, du lịch trải nghiệm rừng và giáo dục môi trường, thu hút du khách.

Thách thức: Nạn phá rừng và khai thác trái phép khiến sinh kế bấp bênh. Thiếu vốn và kỹ thuật bảo vệ rừng: Công tác bảo tồn gặp khó khăn do nguồn tài chính hạn hẹp và thiếu công nghệ



giám sát hiện đại. Lũ lụt, hạn hán và sạt lở đất đe dọa cả hệ sinh thái và sinh kế.

■ **Giải pháp phát triển:** Cải tạo nâng cấp làng nông thôn hiện hữu nhằm phát triển sinh kế xanh gắn với bảo vệ rừng; khuyến khích các mô hình như trồng được liệu dưới tán rừng, nuôi ong mật, nuôi hươu lấy nhung nhằm tăng thu nhập và bảo vệ rừng. Thúc đẩy PFES và huy động nguồn lực bảo tồn; mở rộng chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) và kết hợp với các nguồn tài trợ quốc tế để hỗ trợ quản lý rừng. Phát triển du lịch sinh thái, khai thác tiềm năng du lịch sinh thái kết hợp giáo dục cộng đồng về bảo tồn môi trường. Ứng dụng công nghệ quản lý rừng, sử dụng công nghệ GIS và giám sát từ xa (drone) để tăng cường hiệu quả bảo vệ rừng và phát hiện sớm các vi phạm.

■ **Tóm lại,** nông thôn bảo vệ sinh thái có xu hướng phát triển sinh kế xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và thúc đẩy du lịch sinh thái. Các thách thức như nạn phá rừng, biến đổi khí hậu và thiếu vốn bảo tồn cần được giải quyết thông qua các giải pháp như triển khai sinh kế bền vững, chính sách PFES và phát triển du lịch sinh thái.

4. Kết luận (conclusion)

Nông thôn Việt Nam đang chuyển mình theo hai xu hướng chính: nâng cao mức độ phát triển kinh tế - xã hội và phát huy chức năng, vai trò đặc thù của từng khu vực. Mỗi loại hình nông thôn (tiền tiến, trung bình, khó khăn hay hội nhập đô thị, bảo tồn văn hóa, sản xuất nông nghiệp, bảo vệ sinh thái) đều có những xu

hướng, thách thức và giải pháp riêng biệt. Để thúc đẩy sự phát triển bền vững, cần Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch không gian nông thôn đồng bộ; Thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý nông thôn; Tăng cường kết nối vùng thông qua các trung tâm logistics và chuỗi giá trị; Huy động nguồn lực tài chính và tăng cường vai trò của hợp tác công - tư. Ngoài ra, các giải pháp như phát triển sản phẩm OCOP, chuỗi giá trị nông sản, sinh kế bền vững và bảo vệ tài nguyên môi trường cần được áp dụng linh hoạt cho từng loại hình nông thôn. Việc phân loại và định hướng phát triển rõ ràng sẽ giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu trong Chương trình Nông thôn Mới giai đoạn 2025-2030.

Ngày nhận bài: 05/11/2024

Ngày gửi phản biện: 05/11/2024

Ngày duyệt đăng: 25/12/2024

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
2. Tập hợp các Bài tham luận Hội thảo Xây dựng NTM do Bộ NN&PTNT tổ chức, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, văn phòng ĐPNTM TW và các địa phương...
3. <https://www.vietnamplus.vn/ket-qua-xay-dung-nong-thon-moi-tren-ca-nuoc-tinh-den-thang-chin>;
4. OECD (2016), "The Saemaul Undong Movement in Korea: Sharing Knowledge on Community-Driven Development"
5. UNDP (2017), "The Role of Saemaul Undong in Korea's Development: Implications for Developing Countries"
6. 贺雪峰: 说说乡村振兴规划中的四类村庄, 2020 (He Xuefeng: Bàn về bốn loại làng trong kế hoạch tái thiết nông thôn Trung Quốc, 2020)
7. 乡村振兴战略: 四种规划发展模式, 2021 (Chiến lược tái thiết nông thôn Trung Quốc: Bốn mô hình quy hoạch và phát triển, 2021)